

TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: /2024/DS-ST

Ngày 04 tháng 4 năm 2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Bà Nguyễn Thị Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2023/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 23/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 19/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N** (Sau đây viết tắt là **A**).

Địa chỉ trụ sở: **Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đình Quang V** - Giám đốc **ngân hàng N - chi nhánh Y, Bắc Giang II.**

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Đặng Văn Đ**, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, **ngân hàng N - chi nhánh Y, B** (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: **số A, tổ dân phố H, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

- Bị đơn: 1. Anh **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.** 2. Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, ông **Đặng Văn Đ** trình bày:

Vào ngày 26/02/2018, **A** và anh **Nguyễn Ngọc T1** đã ký hợp đồng tín dụng số 2508LAV201800468, theo đó **A** cho anh **T1** vay số tiền là 100.000.000 đồng tiền gốc (Một trăm triệu đồng) theo hình thức vay tín chấp, không có đảm bảo bằng tài sản, mục đích vay vốn để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Tại thời điểm ký hợp đồng lãi suất ngắn hạn là 9,5%/năm, lãi suất trung hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Đây là hợp đồng khung có thời hạn là 36 tháng, theo quy định thì trong thời hạn của hợp đồng khung, người vay có thể vay/trả nợ theo hạn mức hợp đồng mà không cần phải thiết lập hợp đồng khác. Sau khi ký hợp đồng số 2508LAV201800468 thì ngày 22/9/2020 **A** đã giải ngân cho anh **T1** số tiền gốc 20.000.000 đồng, đến ngày 16/12/2020 **A** tiếp tục giải ngân cho anh **T1** số tiền 80.000.000 đồng. Tính đến ngày 23/9/2021 thì anh **T1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi. Nay **A** khởi kiện yêu cầu anh **Nguyễn Ngọc T1** và chị **Nguyễn Thị B** phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 2508LDS202006954 ngày 16/12/2020 và số 2508LDS202005082 ngày 22/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2024 ông **Đ** trình bày: Do anh **T1** và chị **B** đã ly hôn từ năm 2015 nên **A** chỉ yêu cầu một mình anh **Nguyễn Ngọc T2** trả nợ cho **A**.

* Tại bản tự khai anh **Nguyễn Ngọc T1** trình bày:

Vào ngày 26/02/2018 tôi có ký hợp đồng tín dụng số 2508LAV201800468 để vay của **A** số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi vay tôi đã nhận được tiền đầy đủ, mục đích vay tiền để đầu tư nuôi lợn rừng. Lãi suất khi vay 11%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/9/2021. Tuy nhiên, do chăn nuôi thua lỗ nên tôi đã không thanh toán nợ đúng hạn. Nay tôi xác định tôi còn nợ lại **A** 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/6/2023 là 33.799.931 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi một đồng), tổng cả gốc và lãi là 133.799.931đ (Một trăm ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi một đồng). Tôi đồng ý sẽ có trách nhiệm trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi trên, lãi phát sinh theo các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Tôi và chị **Nguyễn Thị B** là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ năm 2015, nay tôi đồng ý một mình tôi chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho **A1**.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Đặng Văn Đ** đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn là **Nguyễn Ngọc T1** chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/3/2024.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 26, Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông **T1** phải trả cho **A** tổng số tiền là 147.356.918 đồng (trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 47.356.918 đồng).

Về án phí: Ông **T1** phải chịu 7.367.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: **A** khởi kiện yêu cầu anh **T1** trả tiền vay của hợp đồng tín dụng số 2508LAV201800468, anh **T1** không đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiền để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Anh **T1** có địa chỉ cư trú tại **huyện Y** nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện **A** yêu cầu anh **T1** và chị **B** trả nợ, tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 03/4/2024 **A** thay đổi chỉ yêu cầu một mình anh **T1** trả nợ, xét thấy đây là sự tự nguyện của **A**, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của **A**.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông **Đặng Văn Đ** và anh **Nguyễn Ngọc T1** vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ

quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

- Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra ngày 26/02/2018 kéo dài đến nay nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại Điều 689 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của **A** về việc yêu cầu anh **T1** trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Đối với yêu cầu trả nợ gốc: **A** yêu cầu anh **T1** trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và cung cấp đầy đủ chứng từ của việc vay vốn, anh **T1** thừa nhận khoản vay và số tiền gốc còn nợ trên nên yêu cầu khởi kiện của **A** là có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với yêu cầu trả lãi của Ngân hàng: Xét thấy việc các bên thỏa thuận lãi suất ngắn hạn là 9,5%/năm, lãi suất trung hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Anh **T1** đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi từ ngày 23/9/2021 nên phải chịu lãi suất quá hạn đối với phần nghĩa vụ vi phạm, tổng số tiền lãi tính đến ngày 04/4/2024 là 47.356.918 đồng . Từ các phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi của **A** là có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của **A** về việc buộc anh **T1** phải chịu lãi tại giai đoạn thi hành án theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 2508LDS202006954 ngày 16/12/2020 và số 2508LDS202005082 ngày 22/9/2020 từ sau ngày xét xử đến khi trả xong toàn bộ số nợ là phù hợp với nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng số 2508LAV201800468 và quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của **A** được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Anh **Nguyễn Ngọc T1** phải chịu 7.367.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468, Điều 689 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 04/4/2024 là 47.356.918 đồng (Bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm mười tám đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 147.356.918 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 2508LDS202006954 ngày 16/12/2020 và số 2508LDS202005082 ngày 22/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

2. Về án phí: Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 3.344.000 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000383 ngày 20/10/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 7.367.000 đồng (bảy triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang